

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6
thuộc xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT tại Văn bản số 17/CV-MT ngày 08 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 823/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thủy và Giám đốc Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- PCVP Nguyễn Cửu;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6
thuộc xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Vĩnh Thủy tỉnh Quảng Trị.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hải Lâm Sơn QT.

1.2. Quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Khu vực Dự án nằm hoàn toàn trong 3,79 ha đã được cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị, thuộc địa phận hành chính xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị. Phạm vi thực hiện Dự án được giới hạn bằng các toạ độ điểm mốc như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm góc khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KT trực 106 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KT trực 106 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1878395.812	606527.951	8	1878307.073	606737.077
2	1878438.842	606549.898	9	1878343.071	606734.031
3	1878559.013	606677.753	10	1878326.946	606637.046
4	1878582.005	606670.723	11	1878364.879	606581.994
5	1878575.089	606736.736	12	1878334.849	606560.031
6	1878459.082	606736.884	13	1878377.842	606552.976
7	1878367.128	606778.003	14	1878390.833	606544.959

- Quy mô diện tích dự án: 3,79 ha.
- Trữ lượng khai thác: 335.044 m³.
- Tuổi thọ của mỏ là 07 năm.
- Quy mô công suất: Năm 2026 là 140.000 m³/năm; năm 2027 là 75.044 m³/năm; năm 2028 đến năm 2030 là 30.000 m³/năm.
- Dự án đã thực hiện xây dựng cơ bản mỏ, hoạt động khai thác năm 2024, 2025 theo giấy phép khai thác khoáng sản tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cho phép khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác được lựa chọn là khai thác lộ thiên theo hệ thống khai thác lớp bằng với chiều cao tầng công tác trung bình 6,0 m. Sau khi khai thác hết một lớp, tiếp tục chuyển sang lớp kế tiếp; khi chiều dài tuyến công tác đạt khoảng 50 – 100 m thì tiến hành mở và khai thác lớp tiếp theo theo phương pháp cuốn chiếu.

Trước khi khai thác, lớp đất hữu cơ và thực bì bề mặt được bóc tách bằng máy xúc, tập kết riêng tại bãi thải tạm trong phạm vi Dự án để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác. Khoáng sản được khai thác bằng máy xúc và xúc bốc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển để đưa đi tiêu thụ.

- Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác:

- + Chiều sâu khai thác trung bình: 10,0 m (Cao độ kết thúc khai thác +3,0 m).
- + Chiều sâu trung bình tầng khai thác: 6,0 m.
- + Chiều rộng của tuyến khai thác: 10 – 30 m (Tùy theo mặt bằng thực tế).
- + Chiều dài tuyến khai thác: 50 – 100 m (Tùy theo mặt bằng thực tế).
- + Góc ổn định bờ moong khai thác: $\leq 33^{\circ}48'$.
- + Góc ổn định bờ moong khai thác tối đa khi kết thúc khai thác: $\leq 33^{\circ}48'$.
- + Góc dốc đường hào tối đa là: 8° .

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

a. Công tác mở vỉa

Tiến hành mở vỉa tại cột mốc số 4, tiến hành mở về phía Đông Nam. Đến thời điểm hiện tại, Dự án đã tiến hành khai thác được 2 năm với diện tích là 4.626 m², cao trình kết thúc khai thác khu vực đã khai thác là +9 m. Năm 2026 tiếp tục khai thác khu vực này xuống cao trình +3 m và tiếp tục khai thác về phía Nam thêm 12.313 m².

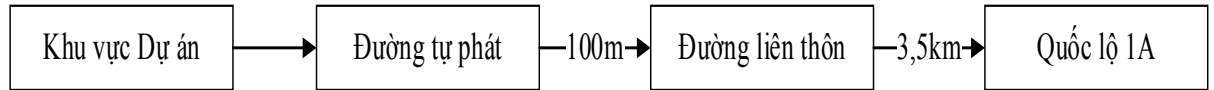
b. Công tác vận chuyển

- Phương thức vận tải: Dùng ô tô vận chuyển để bán cho khách hàng.

- Đối với tuyến đường nội mỏ hiện có, Dự án tận dụng làm tuyến vận chuyển nội bộ phục vụ khai thác. Trong quá trình khai thác, cao độ nền đường được hạ thấp dần phù hợp với cao độ thiết kế khai thác của từng giai đoạn nhằm bảo đảm thuận lợi cho công tác vận chuyển.

Dọc hai bên tuyến đường bố trí hệ thống mương hở thoát nước dọc có tiết diện hình thang cân, chiều rộng miệng mương 1,0 m, chiều sâu 0,45 m, nhằm thu gom và dẫn thoát nước mưa chảy tràn. Trên tuyến bố trí 01 cống tròn thoát nước ngang đường đường kính D1000 để bảo đảm khả năng thoát nước và hạn chế xói lở nền đường trong mùa mưa.

Sơ đồ tuyến đường vận chuyển chính:



c. Bãi thải đất phong hoá

Bố trí 01 bãi chứa tạm đất phong hóa trong phạm vi khu vực mỏ với diện tích khoảng 800 m² để lưu giữ lượng đất phong hóa, đất hữu cơ phát sinh trong quá trình bóc tầng phủ. Toàn bộ khối lượng đất này được quản lý riêng và sử dụng cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác. Xung quanh bãi chứa bố trí mương thu gom nước mưa, thực hiện đắp bờ bao và gia cố mái bãi thải nhằm hạn chế hiện tượng xói mòn, sạt lở, rửa trôi đất trong mùa mưa.

d. Khu lán trại

Bố trí khu lán trại bao gồm: Nhà ở tạm công nhân, kho chứa chất thải, nhà vệ sinh. Tổng diện tích khu lán trại là 50 m². Vị trí được bố trí cố định tại góc phía Bắc trong phạm vi mỏ, gần đường ra vào khu mỏ nhằm thuận lợi cho quá trình quản lý, hoạt động của Dự án.

đ. Thoát nước mỏ

Dự án xây dựng hệ thống mương đất thu gom nước mưa chảy tràn có tổng chiều dài khoảng 918 m, chiều rộng đáy 1,5 m và chiều sâu 0,45 m. Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực khai trường được thu gom và dẫn về 01 hồ lắng bố trí tại góc Tây Nam khu mỏ, có diện tích khoảng 300 m² và chiều sâu 2,0 m. Hồ lắng có chức năng lắng giữ bùn đất, cặn lơ lửng phát sinh trong quá trình khai thác trước khi nước thoát ra môi trường tiếp nhận.

Nước sau lắng được dẫn theo chế độ tự chảy vào hồ tự nhiên nằm phía Tây Nam ngoài ranh giới mỏ. Trong mùa mưa, nước từ hồ tự nhiên tiếp tục theo hệ thống khe, rãnh thoát nước hiện hữu trong khu vực và đổ ra sông Bến Hải.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án bao gồm:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Mở vỉa, tạo diện khai thác ban đầu.
- Giai đoạn vận hành: Các hoạt động của công nhân tại mỏ, hoạt động bóc xúc, vận chuyển, khai thác đất san lấp.
- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Hoạt động phá dỡ các công trình lán trại, hoạt động san gạt, cải tạo mặt bằng, trồng cây, lắp biển báo.

1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện Dự án

Khu vực thực hiện Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động mở vỉa: tác động đến đa dạng sinh học; gia tăng bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại.
- Hoạt động khai thác: gia tăng bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại; thay đổi cảnh quan môi trường; tiềm ẩn rủi ro sự cố và mất an toàn lao động, mất an toàn giao thông,...
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường: phát sinh bụi, độ ồn, rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 thuộc xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị là dự án nâng công suất trên cơ sở mỏ đang hoạt động, không phát sinh các hạng mục xây dựng mới. Vì vậy, báo cáo không đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng mà tập trung đánh giá các tác động phát sinh trong giai đoạn vận hành khai thác của Dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành, cải tạo, phục hồi môi trường

3.2.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Hoạt động sinh hoạt của 8 công nhân xây dựng Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các chất cặn bã, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N/P) và vi sinh gây bệnh (Coliforms/E.Coli).

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh qua toàn bộ mỏ khoảng 5.831 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), đất, dầu mỡ...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận tải, máy móc thi công trong quá trình khai thác và vận chuyển. Thành phần chủ yếu là Bụi, NO_x, SO₂, CO.... Đối tượng ảnh hưởng gồm công nhân trên công trường, các hộ dân sản xuất xung quanh khu vực dự án, các hộ dân sống dọc tuyến đường liên thôn và các phương tiện tham gia lưu thông trên tuyến đường liên thôn, liên xã.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh từ 8 CBCNV với khối lượng khoảng 4kg/ngày. Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, bao bì nilon, bìa carton, xương động vật...

b. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn do đất bóc lớp phủ: Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, dự án phải bóc lớp đất phủ dày khoảng 0,2 m trên diện tích 37.900 m², phát sinh khoảng 7.580 m³ đất thải.

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Phát sinh theo từng năm khai thác, tổng khối lượng phát sinh trên toàn bộ mỏ khoảng 155,39 tấn. Thành phần sinh khối thực vật chủ yếu là rễ, lá, thân cây.

c. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại: Lượng phát sinh khoảng 5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu từ giẻ lau dính dầu, các hộp đựng dầu...

3.2.3. *Tiếng ồn và độ rung*

- Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị khai thác (máy mức) và phương tiện vận chuyển tác động trực tiếp đến CBCNV tại mỏ và người dân làm việc tại khu vực lân cận khu mỏ.

3.2.4. *Các tác động khác*

- Tác động đến môi trường đất.
- Tác động đến hệ sinh thái.
- Tác động đến kinh tế - xã hội.
- Tác động đến đất sản xuất của các hộ dân liền kề và tăng nguy cơ sạt lở đất.
- Tác động đến hoạt động giao thông vận tải trong khu vực.
- Hoạt động khai thác tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông và sự cố sạt lở, sụt lún.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường được đầu tư, duy trì và vận hành trong suốt quá trình khai thác.

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. *Đối với thu gom và xử lý nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động thể tích 2 m³ tại khu lán trại. Định kỳ thuê đơn vị thu gom. Sau mỗi đợt khai thác (08 tháng/năm), Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút cặn tại nhà vệ sinh di động đưa đi xử lý.

- Nước mưa chảy tràn qua moong khai thác:

Dự án xây dựng hệ thống mương đất thu gom nước mưa chảy tràn có tổng chiều dài khoảng 918 m, chiều rộng đáy 1,5 m và chiều sâu 0,45 m. Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực khai trường được thu gom và dẫn về 01 hồ lắng bố trí tại góc Tây Nam khu mỏ, có diện tích khoảng 300 m² và chiều sâu 2,0 m. Hồ lắng có chức năng lắng giữ bùn đất, cặn lơ lửng phát sinh trong quá trình khai thác trước khi nước thoát ra môi trường tiếp nhận.

Nước sau lắng được dẫn theo chế độ tự chảy vào hồ tự nhiên nằm phía Tây Nam ngoài ranh giới mỏ. Trong mùa mưa, nước từ hồ tự nhiên tiếp tục theo hệ thống khe, rãnh thoát nước hiện hữu trong khu vực và đổ ra sông Bến Hải.

- Tại bãi thải tạm: Xung quanh bãi chứa bố trí hệ thống rãnh thoát nước để thu gom, dẫn dòng nước mưa, ngăn nước từ khu vực bên ngoài chảy tràn qua bãi thải làm cuốn theo đất, đá và bùn đất phát tán ra môi trường xung quanh. Đồng thời, Chủ dự án thường xuyên kiểm tra tình trạng ổn định của bãi chứa, kịp thời gia cố các vị trí có nguy cơ sạt lở và nạo vét hệ thống rãnh thoát nước nhằm bảo đảm khả năng tiêu thoát nước trong mùa mưa.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực khai thác

- Hoạt động đào đất, san mặt bằng sẽ được tiến hành thực hiện dứt điểm từng đoạn theo hồ sơ thiết kế, mở moong thi công đến đâu thì mức đất lên xe vận chuyển tới đó, không hình thành bãi tập kết để hạn chế lượng bụi phát sinh do tập kết đất.

- Tưới nước tại công trường khai thác tần suất tối thiểu 04 lần/ngày.

- Công nhân thi công sẽ được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình vận chuyển đất san lấp

- Các xe vận chuyển đất san lấp tận thu sẽ được che phủ kín bạt khi hoạt động, không để rơi vãi xuống đường gây bụi và làm mất an toàn trong khu vực Dự án cũng như trên tuyến đường liên thôn Nam Sơn – Minh Phước.

- Chủ dự án sẽ lắp đặt cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra vào trong công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn như ngã ba giao nhau, khúc cua, đường cong khuất tầm nhìn...

- Xe vận chuyển đúng tải trọng quy định, không chở quá tải làm hư hại và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.

- Lập kế hoạch khai thác và vận chuyển hợp lý, kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe. Không vận chuyển vào các giờ cao điểm như: Giờ bắt đầu đi làm, đi học từ 6h30 - 7h30, giờ tan ca từ 11h00 - 11h30 để tránh ùn tắc giao thông.

- Tưới nước giảm bụi trong quá trình khai thác, vận chuyển. Đặc biệt, trong năm 2026 và 2027 là 2 năm có công suất khai thác lớn nhất, cần tưới nước với tần suất tối thiểu 6 lần/ngày. Cụ thể thời gian tưới nước vào buổi sáng phải trước 6h, trước 10h và buổi chiều trước 13h và trước 16h30, đảm bảo cho con em đi học không bị ảnh hưởng.

- Trong quá trình vận chuyển đất của Dự án nếu làm hư hỏng, xuống cấp các tuyến đường thì Chủ dự án sẽ sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 01 thùng chứa rác loại 60 lít tại khu vực lán trại để thu gom rác. Rác định kỳ được hợp đồng với tổ thu gom rác địa phương đem đi xử lý theo quy định.

- Hướng dẫn công nhân tiến hành phân loại rác tại nguồn.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho công nhân và cán bộ quản lý để hình thành thói quen, nếp sống mới.

b. Chất thải rắn sản xuất

- Chất thải rắn là đất phong hoá: Đất phong hoá phát sinh trong quá trình khai thác 7.580 m³ được lưu giữ tại 01 bãi thải tạm có diện tích khoảng 800 m² để tận dụng cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo từng năm. Trong quá trình khai thác vừa tiến hành khai thác vừa hoàn thổ phục hồi môi trường theo hình thức cuốn chiếu.

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Tận thu cây gỗ để bán cho các đơn vị thu mua gỗ trên địa bàn. Đối với lượng cành, thân sẽ cho người dân tận dụng làm chất đốt. Đối với các loại sinh khối khác như lá, rễ không thể tận thu được sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chủ dự án đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m² tại khu lán trại để lưu giữ tạm chất thải nguy hại, tiến hành thu gom hàng ngày vào 01 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy. Sau đó, hợp đồng định kỳ với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nhiên liệu sử dụng cho máy móc thiết bị được chứa trong các can, phuy chuyên dụng và để trong nhà kho chất thải nguy hại, tránh để nước mưa chảy tràn xâm nhập vào.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị nút bịt tai cho những công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.

- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.

- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.

- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn.

4.4. Các phương án bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đo vẽ bản đồ hiện trạng khu vực khai thác từng năm: Tiến hành đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:2000 tại khu vực khai thác.

- Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường từng năm (bản đồ tỷ lệ 1:2000).

- Công tác hoàn thổ mặt bằng moong khai thác được thực hiện đồng thời trong quá trình khai thác và hàng năm nên đảm bảo được mục đích cải tạo địa mạo, địa tầng khu vực bằng phẳng trước khi tiến hành trồng cây. Thực hiện trồng cây trên khu vực khai thác 3,59 ha (bắt đầu từ năm thứ 3 đến khi kết thúc khai thác năm thứ 7). Trồng cỏ vetiver ở vách moong khai thác và mái ta luy tuyến đường.

- Đối với khu vực phụ trợ: Tiến hành tháo dỡ các hạng mục công trình lán trại, nhà vệ sinh di động, san lấp hồ lắng. Lắp đặt biển báo nguy hiểm (8 biển).

- Danh mục, khối lượng và tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường:

Bảng 2. Các công trình, khối lượng và tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Đối với khu vực mỏ khai thác				
1	Công tác san gạt mặt bằng	100m³	77,88	Bắt đầu từ năm thứ 3 đến khi kết thúc khai thác	Cuối năm thứ 7
2	Trồng cây	ha	3,59		
3	Trồng cỏ vetiver vách moong	m²	960,07		
II	Tháo dỡ máy móc thiết bị				
1	Tháo dỡ nhà điều hành, nhà vệ sinh			Năm thứ 3	Cuối năm thứ 7
-	Tháo dỡ nhà điều hành	m²	50		
-	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh	Bộ	1		
2	Chi phí vận chuyển thực tế	Đợt	1		
III	Lắp đặt biển báo	biển báo	8	Đồng thời trong quá trình khai thác và cả khi kết thúc khai thác	Cuối năm thứ 7

- Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Dự toán tổng số tiền cải tạo, phục hồi môi trường: **629.317.329 đồng** (Sáu trăm hai mươi chín triệu, ba trăm mười bảy nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).

+ Hình thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ nhiều lần.

+ Số tiền đã ký quỹ: Năm thứ nhất (năm 2024): 52.201.735 đồng; Năm thứ hai (năm 2025): 19.120.123 đồng.

+ Số lần ký quỹ còn lại: 5 lần.

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại: 111.599.094 đồng.

+ Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị.

4.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Đối với sự cố cháy nổ: Thực hiện rà phá bom mìn và ban hành nội quy an toàn về điện, cấm lửa tại khu vực dễ cháy; trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ như bình CO₂, cát; xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định, bao gồm thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, diễn tập và phối hợp với kiểm lâm địa phương.

- Đối với sự cố tai nạn lao động: Lựa chọn nhà thầu có năng lực, xây dựng phương án thi công an toàn; trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và cử cán bộ giám sát an toàn thường xuyên; tổ chức tập huấn về an toàn lao động, thành lập ban chỉ đạo và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về lao động.

- Đối với sự cố tai nạn giao thông: Bố trí biển báo nguy hiểm, hạn chế tốc độ tại các vị trí cần thiết; yêu cầu phương tiện vận chuyển đúng tải trọng, tuân thủ luật giao thông và thường xuyên bảo trì, sửa chữa tuyến đường.

- Đối với sự cố sạt lở đất, bờ mỏ, taluy đường nội mỏ:

+ Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác; bố trí công nhân phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra; tạm ngừng khai thác khi trời mưa to;

+ Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở khu vực khai thác phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý;

+ Đối với taluy đường nội mỏ: Thiết kế mái taluy an toàn, hệ số dốc phù hợp; bố trí rãnh thoát nước men taluy để tránh xói mòn; gia cố taluy bằng cách trồng mái cỏ; hạn chế xe trọng tải lớn chạy sát mép taluy, cấm biển cảnh báo tải trọng và tốc độ; kiểm tra định kỳ trước và trong mùa mưa, đặc biệt tại các vị trí dốc, cua, nền đất yếu.

+ Các vị trí tiếp giáp với đất xung quanh của các hộ dân về phía Đông, Tây, Khu vực giáp với hồ chứa nước ông Nguyễn Văn Tuyến và giáp với ranh giới trang trại của ông Trần Văn Chúc về phía Nam được bố trí đai an toàn với chiều rộng (từ phía ranh giới mở vào trong khu mỏ) với bề rộng trung bình 5 m để không gây sạt lở.

- Đối với tuyến đường hiện trạng trong khu vực Dự án:

+ Giữ lại tuyến đường hiện trạng trong quá trình khai thác để làm tuyến đường nội bộ cũng như không ảnh hưởng đến việc đi lại của trang trại.

+ Trong quá trình khai thác cần hạ độ cao theo từng đoạn, giữ mái taluy thích hợp trong suốt quá trình khai thác để không gây nguy hiểm cho các xe vận chuyển.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Trong suốt quá trình khai thác: Chủ Dự án sẽ tiến hành thành lập Đội quản lý thi công công trường khoảng 02 người. Đội có trách nhiệm quản lý quá trình khai thác và vận chuyển đất san lấp. Hướng dẫn và nhắc nhở công nhân tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong khai thác và vận chuyển, yêu cầu thiết kế kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm nhằm hạn chế các tác động xấu đến môi trường như đã nêu ở phần trên của Báo cáo.

- Trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường: Chủ dự án yêu cầu công nhân thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường như đã được phê duyệt, quản lý công nhân trong quá trình cải tạo đảm bảo an toàn và tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về thiết kế kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm nhằm hạn chế các tác động xấu đến môi trường.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí trong khu vực dự án (khu vực đang khai thác).

+ 01 vị trí trên tuyến đường ra vào khu mỏ.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ bụi, CO, NO₂, SO₂.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, tập trung vào mùa khô khi khai thác.

5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: Tại sông Bến Hải, cách khu vực Dự án khoảng 400 m về phía Đông Nam.

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, Photphat, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, tập trung vào mùa khô khi khai thác.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: tại điểm tập kết chất thải rắn khu vực khai thác.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, tập trung vào mùa khô khi khai thác.

5.2.4. Giám sát an toàn lao động

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thực hiện của Dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình khai thác.

5.2.5. Giám sát sự cố môi trường

Phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống các công trình... để phát hiện những hư hỏng, sụt lún, những khu vực nguy cơ gây cháy nổ và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Mục đích: Giám sát quá trình xói lở trong quá trình khai thác.

- Đối tượng giám sát: Mức độ, diễn biến sụt lở.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình khai thác tại khu vực thực hiện của dự án.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng vị trí cũng như diện tích đất; thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng, giao đất, trồng rừng thay thế theo đúng quy định pháp luật.

- Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; đền bù và khắc phục sự cố môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra khi triển khai Dự án; thực hiện các vấn đề liên quan vệ sinh, an toàn lao động (kể cả tai nạn giao thông). Chỉ đạo các nhà thầu thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển.

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

- + Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT; quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT, QCVN 27:2025/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc);

- + Quản lý và kiểm soát nước mặt trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT; quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT;

- + Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường;

- + Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo quy định của pháp luật.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường đối với dân cư, người lao động làm việc tại Dự án. Tuân thủ các quy định về môi trường; an toàn lao động; giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; phòng chống sạt lở; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án; tăng cường việc theo dõi, giám sát nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố sẽ dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý kịp thời.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu trong quá trình thi công của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực./.